

**HĐND - UBND XÃ THANH LỘC
VĂN PHÒNG**

Số: 02 /QĐ-VP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Lộc, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026
của Văn Phòng HĐND - UBND

VĂN PHÒNG HĐND – UBND XÃ THANH LỘC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND xã Thanh Lộc về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Văn Phòng HĐND -UBND;

Xét đề nghị của phụ trách kế toán Văn Phòng HĐND - UBND.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Văn Phòng HĐND – UBND xã Thanh Lộc, tỉnh An Giang. (Theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn Phòng HĐND - UBND, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu.



Doãn Văn Thanh

(Biểu số 2- Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)
 Đơn vị: Văn Phòng HĐND - UBND
 Chương 830

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-VP ngày 05/01/2026 của Văn Phòng HĐND - UBND)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí hộ tịch	
1.2	Phí chứng thực	
2	Chi từ nguồn thu để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí hộ tịch	
3.2	Phí chứng thực	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.022
1	Chi quản lý hành chính	15.022
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.230
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.792
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi chương trình mục tiêu	
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	
2	Chi chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu)</i>	